

Áo khoác nữ Kasai v ỏ m ề m

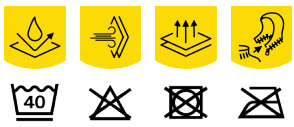
KASSSHLW

Áo khoác m ề m ch ố n g thấm nư ớc , ch ố n g **gió và thoáng khí** v iểu **dáng** vừa vặn nữ **tính mang** đế n khả **năng** vận độ n g tối **đa** ự **do** t

Khả năng **thoáng khí** ế ớ c **áo khoác softshell linh** h oạt **này** đư ợc **làm** bằn g vật l iệu **không** thấm nư ớc , ch ố n g **gió** và **thoáng khí**. Có **túi** t iệ n dụn g, **nắ p trùm tháo** che **các chi** ế ớ ê ể **quang** và **thông gió** ở **nách** bằn g **khóa kéo**. Phù h ợp nữ **tính**.

- thoáng mát, co giãn
- Thoáng khí
- Viền phản quang
- Khóa kéo
- Vạt bão
- Có thể điều chỉnh
- 2 túi
- Túi zip bên
- Túi bên trong
- Túi bên trong cho bút
- Lớp ngoài MVP thoáng khí 20.000 g/m2/24h
- Vật liệu chống thấm nước

hợp chất	100% polyester t ải 325g/m
Phạm vi kích thước	EU XS-XL / FR XS-XL





TBL



NAV



SBL



hệ thống **thông gió** cánh t hông thoáng khí kép để giúp bạn **thoát** khỏi nhiệt độ cơ thể dư thừa.



thoáng khí cho thoát ra ngoài, giúp bạn luôn khô ráo trong các hoạt động thể chấ



Các ế phản quang yếu t Sản phẩm **này có các chi** tiết phản **quang giúp tăng** khả **năng** hiển thị v à ngoài **và ngoài** ện đạ



Vật liệu **tái** chế Mặt **hàng này** được **làm** từ vật liệu ấn **áo làm** từ **tái** chế. **tái** g ợi ý ụ chế, bạn ủng hộ **các** ạch **và** bất ngờ n ại động s

Công nghiệp **n:**
Ngành công n ghiệ p , phục vụ ăn uố n g, Xây dựng ầ n g, Hóa h ọ c , Biên t ập , Thự ực phẩm &g







